

UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1089/QĐ-SYT

Hưng Yên, ngày 27 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Cấp mới, cấp lại Chứng chỉ hành nghề Dược;
Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược;

Căn cứ Quyết định số 892/2017/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Y tế;

Căn cứ biên bản thẩm định và biên bản họp tổ thẩm định xét duyệt cấp Chứng chỉ hành nghề Dược, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc ngày 27/10/2017;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý hành nghề Y, Dược.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp mới Chứng chỉ hành nghề Dược cho 38 cá nhân; Cấp lại Chứng chỉ hành nghề Dược cho 08 cá nhân; Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc cho 18 cơ sở; Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc cho 10 cơ sở (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà): Chánh Văn phòng; Chánh Thanh tra Y tế; Trưởng phòng: QLHN, NVD; Trưởng phòng Y tế các huyện/thành phố và các ông (bà) có tên trong danh sách trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- KHTC, QLHN;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Anh

DANH SÁCH

CẤP MỚI, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DƯỢC, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH THUỐC
(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 10 năm 2017 của Giám đốc Sở Y tế)

I. DANH SÁCH CẤP MỚI, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DƯỢC

STT	HỌ VÀ TÊN ĐỀM	NGÀY THÁNG NĂM SINH	SỐ CMTND	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	TRÌNH ĐỘ CHUYỂN CHỨNG CHỈ	CẤP MỚI CHỨNG CHỈ G CHỈ	CẤP LẠI CHỨNG CHỈ G CHỈ	LOẠI HÌNH HÀNH NGHỀ	ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ	KẾT QUẢ
1.	Đào Thị Hồng	08/12/1975	030 959 438	30/9/2005	Hải Phòng	DSTH	x		Quầy Thuốc	Xã An Đồng, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	Đạt
2.	Đỗ Thị Thùy Linh	03/3/1992	030 192 000 580	7/4/2016	Cục ĐKQL cư trú	DSTH	x		Quầy Thuốc	Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	Đạt
3.	Hoàng Lệ Thùy	08/6/1992	033 192 000 196	18/06/2015	Cục ĐKQL cư trú	DSDH	x		Công ty	Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Đạt
4.	Đào Thị Tâm	30/04/1982	025 182 000 505	23/02/2016	Cục ĐKQL cư trú	DSTH	x		Quầy Thuốc	Xã Ngọc Lâm, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Đạt
5.	Vũ Việt Giang	09/9/1982	145 106 062	10/9/2014	Hưng Yên	DSTH		x	Quầy Thuốc	Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Đạt
6.	Nguyễn Thị Hương	06/6/1992	145 441 062	28/5/2007	Hưng Yên	DSCĐ	x		Quầy Thuốc	Xã Nguyễn Hòa, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	Đạt
7.	Nguyễn Thị Thúy	08/6/1985	186 253 769	31/7/2008	Nghệ An	DSTH		x	Quầy Thuốc	Xã Thiện Phấn, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Đạt
8.	Đào Thị Thu Hương	24/11/1984	145 097 645	18/7/2005	Hưng Yên	DSTH	x		Quầy Thuốc	Xã Thuận Hương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Đạt
9.	Trần Thị Tố Nga	6/12/1977	145 173 884	26/06/2001	Hưng Yên	DSTH	x		Quầy Thuốc	Xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Đạt
10.	Nguyễn Thị Thúc	25/03/1982	001 182 013 276	19/01/2016	Cục ĐKQL cư trú	DSTH		x	Quầy Thuốc	Thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Đạt
11.	Vũ Thị Hương Lan	09/4/1970	145 538 472	25/3/2009	Hưng Yên	DSTH	x		Quầy Thuốc	Xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Đạt
12.	Nguyễn Thị Lan Anh	16/4/1978	145 715 384	6/2/2012	Hưng Yên	DSDH		x	Quầy Thuốc	Phường An Tảo, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Đạt
13.	Nguyễn Văn Thế	8/6/1981	142 011 712	17/03/2009	Hải Dương	DSTH	x		Quầy Thuốc	Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Đạt
14.	Nguyễn Văn Tuấn	20/8/1988	121 772 000	27/3/2010	Bắc Giang	DSDH	x		Quầy Thuốc	Xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	Đạt
15.	Đỗ Thị Nguyên	6/1/1983	145 035 160	28/3/2007	Hưng Yên	DSTH	x		Quầy Thuốc	Xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Đạt

16.	Phạm Thị Thùy	14/6/1991	145 379 384	23/02/2006	Hưng Yên	DSTH	x		Quầy Thuốc	Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Đạt
17.	Nguyễn Thị Mót	21/8/1948	033 148 001 020	13/9/2017	Cục ĐKQL cư trú	DSDH		x	Công ty	Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	Đạt
18.	Nguyễn Thị Hoa	11/7/1993	033 193 001 287	18/01/2017	Cục ĐKQL cư trú	DSTH	x		Quầy Thuốc	Xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Đạt
19.	Đỗ Thị Đình	20/4/1983	145 060 742	15/11/2007	Hưng Yên	DSTH	x		Quầy Thuốc	Xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Đạt
20.	Ngô Thị Thúy Hiền	2/4/1991	145 402 938	4/7/2014	Hưng Yên	DSTH	x		Quầy Thuốc	Xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Đạt
21.	Hoàng Đình Tinh	25/01/1992	142 562 863	21/3/2009	Hải Duong	DSCD	x		Quầy Thuốc	Xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Đạt
22.	Nguyễn Thị Duyên	10/8/1988	145 298 690	9/12/2004	Hưng Yên	DSTH	x		Quầy Thuốc	Xã Nhuệ Dương, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Đạt
23.	Vũ Thị Xinh	17/8/1988	145 250 229	23/06/2010	Hưng Yên	DSTH		x	Quầy Thuốc	Xã Thọ Vinh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Đạt
24.	Hoàng Thị Nga	13/08/1984	145 620 720	4/8/2010	Hưng Yên	DSTH	x		Quầy Thuốc	Xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Đạt
25.	Nguyễn Thị Nữ	1/9/1989	145 338 026	3/11/2004	Hưng Yên	DSTH	x		Quầy Thuốc	Xã Thanh Long, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Đạt
26.	Hoàng Thế Tú	23/7/1990	145 450 234	12/4/2007	Hưng Yên	DSTH	x		Quầy Thuốc	Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	Đạt
27.	Lê Văn Tùng	10/12/1992	033 092 002 114	24/05/2017	Cục ĐKQL cư trú	DSTH	x		Quầy Thuốc	Xã Bảo Khê, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Đạt
28.	Hà Thị Hòa	15/6/19/86	013 078 007	18/4/2008	Hà Nội	DSTH		x	Quầy Thuốc	Phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	Đạt
29.	Đào Thanh Huyền	10/8/1984	145 235 931	25/3/2003	Hưng Yên	DSTH		x	Quầy Thuốc	Xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Đạt
30.	Lê Thị Nhài	18/7/1993	145 443 535	11/3/2008	Hưng Yên	DSCD	x		Quầy Thuốc	Xã Nhật Quang, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên	Đạt
31.	Đào Thị Hồng	2/2/1986	145 158 628	23/9/2002	Hưng Yên	DSTH	x		Quầy Thuốc	Xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	Đạt
32.	Nguyễn Thị Yên	19/9/1986	017 186 000 456	3/7/2017	Cục ĐKQL cư trú	DSTH	x		Quầy Thuốc	Xã Đa Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Đạt
33.	Đào Thùy Linh	10/6/1986	145 263 369	1/8/2003	Hưng Yên	DSTH	x		Quầy Thuốc	Xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Đạt
34.	Trịnh Thị Thủy Quỳnh	27/4/1991	145 429 199	20/07/2006	Hưng Yên	DSDH	x		Nhà Thuốc	Phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Đạt

KHCN
 SỞ
 TẾ
 HUNG YÊN



35.	Nguyễn Văn Đại	28/3/1973	145 891 796	4/6/2014	Hưng Yên	DSTH	x	Quầy Thuốc	Xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	Đạt
36.	Nguyễn Thị Vân	29/7/1995	145 635 179	20/7/2010	Hưng Yên	DSTH	x	Quầy Thuốc	Xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Đạt
37.	Nguyễn Thị Linh	07/5/1992	033 192 000 248	16/7/2015	Cục ĐKQL cư trú	DSTH	x	Quầy Thuốc	Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Đạt
38.	Lê Thanh Phương	20/2/1994	060 941 532	11/7/2014	Yên Bái	DSCĐ	x	Quầy Thuốc	Phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Đạt
39.	Nguyễn Thị Hoa	9/10/1987	033 187 001 045	23/05/2016	Cục ĐKQL cư trú	DSTH	x	Quầy Thuốc	Xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Đạt
40.	Trịnh Văn Du	21/02/1994	145 585 331	22/12/2012	Hưng Yên	DSTH	x	Quầy Thuốc	Xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Đạt
41.	Lê Thị Huyền Trang	14/11/1992	145 460 908	7/5/2011	Hưng Yên	DSTH	x	Quầy Thuốc	Xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Đạt
42.	Trần Thị Hué	26/3/1995	163 255 261	28/2/2011	Nam Định	DSCĐ	x	Quầy Thuốc	Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	Đạt
43.	Hoàng Hải Yến	08/01/1993	145 487 604	28/5/2008	Hưng Yên	DSCĐ	x	Quầy Thuốc	Xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Đạt
44.	Nguyễn Thị Hương	03/5/1995	145 627 266	25/8/2010	Hưng Yên	DSCĐ	x	Quầy Thuốc	Xã Thanh Long, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Đạt
45.	Phạm Thị Thảo	01/02/1988	145 279 761	27/10/2003	Hưng Yên	DSTH	x	Quầy Thuốc	Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Đạt
46.	Vương Thị Thúy	14/12/1976	145 158 318	13/4/2010	Hưng Yên	DSTH	x	Quầy Thuốc	Xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	Đạt

Tổng số: 46 cá nhân

II. DANH SÁCH DUYỆT CẤP MỚI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH THUỐC

TT	HỌ VÀ TÊN ĐỆM	NĂM SINH	SỐ CCHN	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN N MÔN	CẤP MỚI ĐỦ ĐIỀU KIỆN	CẤP LẠI, GIA HẠN ĐĐ KIẾN	LOẠI HÌNH HÀNH NGHỀ	SỐ NHÀ/THÔN XÃ/PHƯỜNG HUYỆN THÀNH PHỐ	TỈNH/THÀNH H PHỐ
1.	Đỗ Thị Mai	12/8/1948	619/HY-CCHND	28/11/2014	Hưng Yên	DSDH	x		Nhà Thuốc Minh Tâm	SN: 65 Nguyễn Bình Khiêm, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên
2.	Vũ Việt Hưng	10/10/1985	1162/HY-CCHND	15/6/2016	Hưng Yên	DSTH		x	Quầy Thuốc Hưng Thủy	14 K1, thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên
3.	Phạm Thị Diệu Hué	05/6/1987	420/HY-CCHND	30/5/2014	Hưng Yên	DSTH		x	Quầy thuốc Quốc Huy	Thôn Toàn Thắng, xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên

Đỗ Thị

4.	Nguyễn Văn Khoa	15/05/1962	1454/CCHN-D-SYT-HY	25/8/2017	Hung Yên	DSTH	x		 Quầy Thuốc	Thôn Đoàn Thượng, xã Bảo Khê, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Hung Yên
5.	Nguyễn Văn Long	5/9/1992	1308/HY-CCHND	30/11/2016	Hung Yên	DSTH	x		Quầy Thuốc Bảo Long	Thôn Tả Hạ, xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Hung Yên
6.	Mai Thị Ngọc	21/11/1990	69/HY-CCHND	28/6/2013	Hung Yên	DSTH	x		Quầy Thuốc	Thôn Phương Thông, xã Phương Chiếu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Hung Yên
7.	Đào Ninh Anh	5/12/1990	72/HY-CCHND	28/6/2013	Hung Yên	DSTH	x		Quầy Thuốc Linh Anh	Thôn Vĩnh Đồng, xã Đông Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Hung Yên
8.	Trần Thị Thuận	28/05/1987	1395/CCHN-D-SYT-HY	25/8/2017	Hung Yên	DSTH	x		Quầy Thuốc Thu Thuận	Xóm II, thôn Tam Đa, xã Tam Đa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên	Hung Yên
9.	Nguyễn Thị Phương	1/2/1993	1237/HY-CCHND	31/8/2016	Hung Yên	DSTH	x		Quầy Thuốc	Thôn Ninh Tập, xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Hung Yên
10.	Bùi Thị Châu	20/7/1985	1418/CCHN-D-SYT-HY	25/8/2017	Hung Yên	DSTH	x		Quầy Thuốc Minh Châu	Thôn Bình Dân, xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Hung Yên
11.	Vương Thị Trang	16/12/1989	1364/HY-CCHND	30/12/2016	Hung Yên	DSTH	x		Quầy Thuốc Thu Trang	Thôn Bắc Phú, xã Thọ Vĩnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Hung Yên
12.	Nguyễn Thị Thu Thùy	30/11/1994	1405/CCHN-D-SYT-HY	25/8/2017	Hung Yên	DSTH		x	Quầy Thuốc Quang Vinh	Thôn Nghĩa Xuyên, xã Trung Hòa, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Hung Yên
13.	Bùi Thị Lan	16/11/1981	1409/CCHN-D-SYT-HY	25/8/2017	Hung Yên	DSTH	x		Quầy Thuốc Phú Lan	Thôn Hạ, xã Trung Hưng, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Hung Yên
14.	Nguyễn Thị Chinh	16/11/1994	1400/CCHN-D-SYT-HY	25/8/2017	Hung Yên	DSDH		x	Quầy Thuốc CNCTCP Dược Tại Yên Mỹ	SN: 165, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Hung Yên
15.	Nguyễn Thị Thu Hương	16/11/1991	682/HY-CCHND	31/12/2014	Hung Yên	DSTH	x		Quầy Thuốc Hải Anh	Phố Chợ Cầu Báu, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	Hung Yên
16.	Đào Thị Luyến	02/1/1984	1379/CCHN-D-SYT-HY	25/8/2017	Hung Yên	DSTH	x		Quầy Thuốc	Thôn Công Luận I, thị Trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	Hung Yên
17.	Đỗ Thị Gấm	6/9/1984	221/HY-CCHND	29/11/2013	Hung Yên	DSTH	x		Quầy Thuốc	Thôn Cù Tu, xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	Hung Yên
18.	Bùi Linh Nhi	8/7/1993	1382/CCHN-D-SYT-HY	25/8/2017	Hung Yên	DSTH	x		Quầy Thuốc Minh Khôi	Đội 3 Phương Thượng, xã Phương (hiếu), thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Hung Yên

19.	Trần Đình Trường	22/7/1989	1376/CCHN-D-SYT-HY	25/8/2017	Hưng Yên	DSTH	x		Nhà Thuốc Mạnh Trường	Chợ Đầu, thôn Đào Đặng, xã Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên
20.	Nguyễn Thị Huyền	8/7/1986	1111/HY-CCHND	29/4/2016	Hưng Yên	DSTH	x		Quầy Thuốc Bệnh Viện	Thôn Hà, xã Cửu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên
21.	Đào Thị Phương Thảo	14/8/1983	1415/CCHN-D-SYT-HY	25/8/2017	Hưng Yên	DSTH	x		Quầy Thuốc Bảo Phúc	Đội 8, xã Hồng Nam, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên
22.	Ninh Mạnh Hùng	23/9/1972	1494/CCHN-D-SYT-HY	29/9/2017	Hưng Yên	DSTH		x	Quầy Thuốc Hùng Cường	Thôn Nghĩa Lộ, xã Phùùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên
23.	Vũ Thị Đào	13/5/1989	1383/CCHN-D-SYT-HY	25/8/2017	Hưng Yên	DSTH	x		Quầy Thuốc	Thôn Cốc Vũ, xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên
24.	Nguyễn Thị Thủy	22/01/1980	1542/CCHN-D-SYT-HY	29/09/2017	Hưng Yên	DSTH		x	Quầy Thuốc	Thôn Liêu Thượng, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên
25.	Trần Thị Ái Vân	29/11/1973	1511/CCHN-D-SYT-HY	29/09/2017	Hưng Yên	DSTH		x	Quầy Thuốc Số 8	Số 08 Công Chợ Phố Hiến, phường Lê Lợi, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên
26.	Nguyễn Ngọc Anh	12/2/1975	1507/CCHN-D-SYT-HY	29/09/2017	Hưng Yên	DSTH		x	Quầy Thuốc Trung Tâm Số I	Phố Nối, thị trấn Bản Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên
27.	Đặng Ngọc Võ	4/9/1983	1494/CCHN-D-SYT-HY	29/9/2017	Hưng Yên	DSTH		x	Quầy Thuốc Võ Hạnh	Đội 5, xã Phương Chiểu, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên
28.	Quách Hữu Dũng	06/07/1957	192/HY-CCHND	29/10/2013	Hưng Yên	DSTH		x	Quầy Thuốc	Thôn Đông Cáp, xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên

Tổng số: 28 cơ sở